TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – ĐẮK LẮK** Bản án số: 23/2025/DS-ST Ngày 17 tháng 9 năm 2025 *" Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản (Kiện đòi tài sản)"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Ánh Sửu, ông Bùi Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2025/TLST- DS ngày 31 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/ 2025/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST – DS ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H (Có mặt)

Trú tại: Buôn Briêng A, xã K (xã Ea N, huyện Ea H cũ), tỉnh Đắk Lắk

Nơi ở: Thôn 2A, xã Ea K (xã Ea N, huyện Ea H cũ), tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Vì Văn T, bà Nguyễn Thị A (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã Ea K (xã Ea N, huyện Ea H cũ), tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày tóm tắt:

Giữa bà với ông T và bà A có quan hệ quen biết làm ăn mua bán cà phê, phân bón và vay tiền với nhau.

Tính từ năm 2018 cho đến ngày 03 tháng 02 năm 2021, tổng số tiền phân, cà phê và tiền vay mà ông T, bà A nợ bà là 2.078.000.000đ. Hạn trả nợ là ngày 03 tháng 10 năm 2021.

Mặc dù đã quá hạn trả nợ, nhưng từ đó tới nay, ông T, bà A chưa trả cho bà bất kỳ khoản nợ nào nên bà khởi kiện yêu cầu ông T và bà A trả số tiền gốc là 2.078.000.000đ và lãi suất 2%/tháng theo hợp đồng vay đã ký kết.

Ông Vì Văn T, bà Nguyễn Thị A trình bày tóm tắt:

Ông bà với bà H có quan hệ quen biết làm ăn mua bán phân bón và vay tiền với nhau. Bà H là người bán phân và cho ông bà vay tiền. Đến mùa cà phê, thì ông bà có trách nhiệm trả cà phê cho bà H.

Tính từ năm 2018 cho đến năm 2020, ông bà chỉ nợ tiền gốc là 1.540.340.000đ (Hai bên đối chiếu công nợ, ông bà có ký xác nhận vào giấy). Do bà H tính thêm lãi suất và cộng gốc, do đó ngày 03/02/2021, ông bà có ký giấy mới nhận nợ bà H số tiền 2.078.000.000đ (Bà H mang giấy đến nhà ông bà để ông bà ký và điểm chỉ). Hạn trả nợ là ngày 03 tháng 10 năm 2021.

Do hoàn cảnh khó khăn nên ông bà chưa trả được nợ, do đó bà H khởi kiện yêu cầu ông bà trả số tiền 2.078.000.000đ và lãi suất 2%/tháng theo hợp đồng vay đã ký kết. Ông bà đồng ý trả cho bà H số tiền gốc 1.540.340.000đ, số tiền lãi thì ông bà xin bà H và ông bà xin trả nhiều đợt, mỗi đợt (mỗi năm) trả là 100.000.000đ.

Tại Giấy vay tiền đề ngày 03 tháng 02 năm 2021 có nội dung tóm tắt:

Bên cho vay bà H, bên vay ông T, bà A. Số tiền vay 2.078.000.000đ, lãi suất 2%/tháng. Thời hạn vay 10 tháng (03/10/2021).

Tại Giấy ô ly ghi chữ TÂN AN:

Cuối trang 3 ghi nhận nội dung: 1.540.340.000đ, nợ ghi số năm 2020.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đương sự chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 26; 35; 39; 147; điểm e khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; các điều 235; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 155; 429; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự; Điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân Tối cao. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông T, bà A trả cho bà H số tiền gốc là 2.078.000.000đ. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hiếu về việc buộc ông T, bà A trả lãi suất mức 2%/tháng/số tiền cho vay.

Về án phí: Ông T, bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trả lại cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Bà H khởi kiện yêu cầu ông T, bà A trả số tiền đã vay. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Bà H làm đơn khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Khi thụ lý, ông T, bà A có hộ khẩu thường trú tại huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Ea H,

tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đắk Lắk) căn cứ vào các Điều 35, 39 và khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

[3.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông T, bà A trả số tiền gốc là 2.078.000.000đ, thì Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng:

Tại Giấy vay tiền đề ngày 03 tháng 02 năm 2021, thể hiện ông T, bà A có vay của bà H số tiền 2.078.000.000đ. Thời hạn trả là ngày 03/10/2021. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T, bà A thừa nhận có ký giấy (Giấy mới) nhận nợ của bà H số tiền 2.078.000.000đ, đồng thời thừa nhận chưa trả cho bà H bất kỳ đồng nào. Ngoài ra ông bà đồng ý trả cho bà H số tiền gốc 1.540.340.000đ, số tiền lãi thì ông bà xin bà H và xin trả dần, mỗi đợt trả 100.000.000đ. Nhưng bà H không đồng ý.

Như vậy bà H cho ông T, bà A vay số tiền 2.078.000.000đ, đến nay quá hạn trả nợ nhưng ông T, bà A chưa trả. Tuy thời hiệu khởi kiện về hợp đồng đã quá 03 theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự, nhưng bà H khởi kiện yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu (Kiện đòi tài sản) nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật dân sự và được hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân Tối cao. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T, bà A thừa nhận có ký giấy (Giấy mới) nhận nợ của bà H số tiền 2.078.000.000đ, đồng thời thừa nhận chưa trả cho bà H bất kỳ đồng nào. Do đó bà H khởi kiện là có căn cứ cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, buộc ông T, bà A trả cho bà H số tiền 2.078.000.000đ.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông T, bà A trả lãi suất mức 2%/tháng/số tiền cho vay, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù trong hợp đồng các bên có thỏa thuận mức lãi suất là 2%/tháng. Bà H yêu cầu ông T, bà A trả, nhưng ông T, bà A không đồng ý, thì xét thấy mức lãi suất các bên thỏa thuận 2%/tháng (24%/năm) là cao hơn so với mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự [1,66%/tháng (20%/năm)].

Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà A yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án (BL 40, 41) và nhận thấy thời hạn trả nợ được ghi trong hợp đồng là ngày 03 tháng 10 năm 2021. Nhưng ngày 26 tháng 3 năm 2025, bà H mới khởi kiện là đã quá thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự và được hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[4]. Về án phí:

Vì yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông T, bà A trả số tiền gốc là 2.078.000.000đ được Tòa án chấp nhận nên ông T, bà A phải chịu án phí đối với tranh chấp dân sự có giá ngạch là 2.078.000.000đ, được tính như sau (2.000.000.000đ có mức thu là 72.000.000đ; 78.000.000đ có mức là 2% = 1.560.000đ). Tổng cộng ông T, bà A phải chịu 72.000.000đ + 1.560.000đ = 73.560.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Do Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà A trả lãi suất mức 2%/tháng, do đó trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; các điều 235; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 155; 429; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân Tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu Toà án buộc ông Vì Văn T, bà Nguyễn Thị A trả số tiền gốc là 2.078.000.000đ.

Buộc ông Vì Văn T, bà Nguyễn Thị A phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 2.078.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Vì Văn T, bà Nguyễn Thị A trả lãi suất của số tiền 2.078.000.000đ với mức 2%/tháng.

3. Về án phí:

+ Ông Vì Văn T, bà Nguyễn Thị A phải chịu 73.560.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H 36.780.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2023/0002692 ngày 26 tháng 3 năm 2025.

4. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 9. Đắk Lắk;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Văn Dũng